

KHẮT SĨ BỒ-TÁT

KS. Minh Bình

I. KHƠI NGUỒN:

Như vậy, Đạo Khất Sĩ của Tổ sư Minh Đăng Quang thành lập là Đạo Làm Tăng, vì chữ “Khất sĩ” tức là “Tăng sĩ”. Đạo ấy có tổ chức là Giáo hội Tăng-già Khất sĩ, được thành lập với mục đích chú trọng đào tạo các hàng khất sĩ. Có ba bậc khất sĩ là khất sĩ Thỉnh văn, khất sĩ Duyên giác và khất sĩ Bồ-tát. Tuy trong bài này sẽ tìm hiểu hết để có phân đôi chiếu, nhưng Khất sĩ Bồ-tát được chọn làm tên bài vì tập trung nói về Bồ-tát.

Ngày xưa, các hàng đệ tử mới nhập đạo theo Phật, do nghe lời Phật dạy bảo mà được khôn lớn trong đạo pháp. Các vị ấy được theo Phật hóng pháp nghe kinh (*thính pháp văn kinh*, *Thỉnh văn*), được nếm vị đạo đức, tuy trong sạch mà chưa thấm nhuần, chưa giỏi giang. Hàng Tăng sĩ đó được gọi là Thỉnh văn, sau này các nhà sư nương theo giáo hội tu học cũng đều gọi chung là hàng Thỉnh văn, bậc đang học.

Còn Duyên giác, các vị này cứng cáp hơn, không nhọc Phật dạy bảo căn kễ. Các vị ấy đã hiểu đời (*12 nhân duyên*), già dặn từng trải, đã từng lên non cao từng về biển rộng, kinh nghiệm phong trần, thôi không còn mong mỏi chi ở cuộc đời. Bởi tâm đời đã tắt nên người được an trú nơi đạo đức, tinh tấn tu hành không đợi Phật nào nhắc bảo.

Và “Bồ-tát” là một từ sáng tạo của người Hán khi phiên dịch kinh Phật tiếng Phạn, chúng ta quen gọi theo, vì lâu ngày chịu ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo Trung Quốc. Đúng ra danh từ ấy phải được phiên âm Hán – Phạn là “Bồ-đề Tát-đỏa”, phiên âm La-tinh là Bồ-đi-sát-tóa, nghĩa là “Hữu tình giác ngộ”, ý là “Kẻ trí” trong cuộc đời. Các bậc Thỉnh văn, Duyên giác đều là bậc trí, đối với nhân loại còn đang say sưa ăn ngủ. Nhưng riêng Bồ-tát được gọi là kẻ trí vì các bậc ấy đã học rồi, đã tu rồi, bây giờ đang dạy. Bồ-tát là bậc thầy của nhân loại, mà xưa cũng đã từng làm Thỉnh văn, Duyên giác. Không ai vừa sinh ra liền được khôn ngoan hiểu biết cả.

Ba bậc khất sĩ Thỉnh văn, khất sĩ Duyên giác và khất sĩ Bồ-tát đồng phận là Tăng sĩ trong nhà Phật, cũng như ba bậc đại đức, thượng tọa và hòa thượng trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay vậy. Nếu trong giáo hội đều là hàng hòa thượng thì còn ai làm lính, ai làm phụ tá? Nếu ai cũng là Bồ-tát thì còn ai gánh mấy phận sự khác? Cả ba thừa đều đang trên đường đến quả Phật, kẻ trước người sau, tiếp nối không dứt.

Còn trong tầm nhìn Phổ môn thì mọi hình tướng đều là hiển thị như vậy (*thị hiện*), vì cần như vậy, để tiện việc. Thỉnh văn, Duyên giác, Bồ-tát, hay Phật đều là hóa thân của Diệu lực Quán âm, không cao không thấp. Tất cả chúng sanh đều là hóa thân của Phật tâm. Bồ Đai hòa thượng đã nói lời di giáo thế này, mà qua đó người ta đoán ngài là hóa thân của Bồ-tát Di-lặc:

Di-lặc thật Di-lặc
Hóa thân trăm ngàn ức

Mỗi lúc là mỗi người
Mỗi người, người chẳng biết.

*(Di-lặc chân Di-lặc
Hóa thân thiên bá ực
Thời thời thị thời nhân
Thời nhân nhân bất thức.)*

II. KHÁT SĨ THỊNH VĂN:

Chơn lý 12 – *Khất Sĩ*, vào bài Sư trưởng Minh Đăng Quang đã viết:

“Khất sĩ là học trò khó đi xin ăn để tu học. Khất sĩ là cái sống của chơn lý vũ trụ, mà tất cả chúng sanh đều là học trò cả thầy.”.

Trong hai câu đầu bài đã định nghĩa rõ về “Khất sĩ”, câu đầu nói về sự (*Khất sĩ là học trò nghèo*), câu sau nói về lý (*Khất sĩ là cái sống của chơn lý vũ trụ*). Từ xưa nhà Phật đã có từ “tỳ-kheo” để gọi các nhà sư đệ tử Phật, dịch ra là “khất sĩ”, hiểu chung là “Tăng sĩ”. Nay ngài Minh Đăng Quang nói rõ sự lý của từ đó.

Tiếp theo tác giả giải bày về khất sĩ Thịnh văn:

“Chính Phật là Vô thượng sĩ, là ông thầy giáo có sự học không ai hơn! Còn Tăng là khất sĩ, là học trò đang đi du học khắp nơi cùng xứ, học nơi thầy, nơi bạn, nơi trò; học với tất cả chúng sanh, vạn vật, các pháp; học với Phật Pháp Tăng ba đời; học từ xóm làng tỉnh xứ đến khắp các xã hội thế giới chúng sanh; học nơi chữ viết, nghe lời nói, học bằng lo lắng nghĩ ngợi, học nơi sự thật hành; học nơi cỏ, cây, thú, người, trời, Phật, đất, nước, lửa, gió; tạm sống xin ăn tu học đi ngay chơn lý chẳng chút lãng xạo, không màng khó nhọc. Và bá tánh là cư sĩ kẻ đã lỡ hội đường, hoặc vì tai nạn nên phải đành kham thiếu thốn, tập học ở một chỗ nơi để đợi chờ ngày giải thoát.”

...“ Chính khất sĩ là quý báu nhất trong đời, là bậc hiền nhân chăm học, là bậc đủ can đảm vượt qua cõi trời người, vất bỏ tham sân si, diệt cắt dây ái dục, bay khỏi lục trần, lục căn đã như già chết; là bậc mà đường trần bụi chẳng còn đọng lại để phải dính dơ, là bậc mà ít người theo được, bởi thiện căn phước đức nhân duyên thiếu sót, và nghiệp quả chẳng chịu buông tha điều bất phật.

Từ hạng bậc xin bằng thân, xin bằng trí, xin bằng tâm, chỉ có khất sĩ là kẻ xin bằng tâm, cái xin cao thượng trong sạch hơn hết, tự người hảo tâm cho chớ không điều ép buộc. Khất sĩ đi xin để răn lòng tội lỗi; đi xin để đền nghiệp cũ, đừng sớm nghĩ ngơi, mau hết vốn lời; đi xin để nhin nhường bố thí của cải lại cho chúng sanh; đi xin để làm gương nhơn quả tội lỗi cho chúng sanh ngừa tránh; đi xin để đừng phạm tội lỗi mới; đi xin để có thì giờ ăn học; đi xin để giáo hóa chúng sanh; đi xin để không tự cao dốt nát, danh lợi, sắc tài; đi xin để giải thoát phiền não, và để un đúc tâm hồn, rèn luyện chí hướng, tập sửa bản năng... Có đi xin mới có từ bi

hỷ xả, trí huệ thông minh, cõi lòng mát dịu, rộng mở bao la, lặng yên sạch sẽ. Có đi xin ăn học mới là thiện, kẻ không đi xin thất học là không thiện. Người đi xin ăn học quý hơn là kẻ ở học một chỗ, học có người nuôi; thiện hơn là người tự nói làm ác quấy để ăn học. Có đi xin mới học được chơn lý, là môn học quý nhất, hơn các lối học khác mênh mông. Chỉ có chơn lý mới là đường đi ngay, mới tạo nên người thật học, được học đúng đắn vĩnh viễn.”

Do học được chơn lý nên các khát sĩ Thịnh văn đã giác ngộ và thành tựu được giới đức:

“Không còn sự mê lầm bồn ngã, không nghi ngờ, không ham mộ nghi lễ cúng kiếng, không tham dục, không tham sắc, không tham vô sắc, không sân hận, không tự cao, không xao động, không vô minh. Và là bậc mà không bao giờ trở lại với cái si mê tội lỗi trong đời ác trước, như người đã bay bổng trên không trung, bước chân không còn dính bụi hồng, là người ở trong giới Phật, không hề sa ngã.”.

Có một sinh viên mới tìm hiểu đạo Phật, lên mạng internet thấy nói về Khất Sĩ nên tìm đến một tịnh xá hỏi sư trụ trì:

– Thưa sư có phải là Bồ-tát không?

Sư trụ trì đáp:

– Theo sư biết thì sẽ chẳng có ai tự nhận mình là Bồ-tát cả.

Chú đó hỏi tiếp:

– Vậy thời nay chắc không có Bồ-tát phải không sư?

Sư bảo:

– Sao chú biết? Bồ-tát hay hành đồng sự nhiếp để tiện giáo hóa chúng sanh. Có khi Bồ-tát đứng ngay kế bên mà mình không nhận ra đấy!

Một lát chú đó lại hỏi:

– Như sư có phải là Thịnh văn không?

Vị sư giải thích:

– Theo sư thấy thì tất cả những ai còn nương giáo hội ăn ở, tu học đều là hàng Thịnh văn hết. Làm Thịnh văn chẳng dễ đâu, phải có thiện căn, phước đức, nhân duyên! Chú cố gắng học hỏi tu tập, đừng bận lòng Đại thừa, Tiểu thừa của thị phi.

Nghe vậy người đó hỏi luôn, chứng tỏ cũng có tìm hiểu này nọ rồi mới đến tịnh xá:

– Sư cho con hỏi: Kinh Tiểu thừa và kinh Đại thừa có khác nhau không?

Sư trụ trì hỏi lại:

– Sư nói chú có tin không?

– Dạ tin chớ.

– Hai kinh đó không khác nhau. Cái kinh thật ở trong tâm chú đó!

III. KHÁT SĨ DUYÊN GIÁC:

Khất sĩ Duyên giác là các nhà sư khổ hạnh chuyên tu, đã khắc phục được thân thể, đang dần bước trên nẻo thiền định huyền diệu. Sư trưởng Minh Đăng Quang đã mô tả:

“Khất sĩ Duyên giác là bậc tu trì nhập định, sau khi đã giác ngộ các pháp nhơn duyên của Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Tử. Là bậc mà sự ăn mặc ở bình chẳng cần màng; sống chết, đến đi, còn mất, có không chẳng quản; khổ vui, lợi hại, khen chê chẳng động tâm. Là bậc sống theo thời duyên cảnh ngộ rày đây mai đó, ở xó góc bụi lùm, một thân một áo bát, theo lẽ vô thường vô ngã, cùng là nhơn pháp không ta. Giữ theo chánh giác mà phân biệt điều thiện ác, tinh tấn tu hành, an lạc trong vòng đạo đức, thẳng phục tâm ý mình đừng làm lạnh, nhớ tưởng đạo lý, nhất tâm đại tịnh, và vui chịu với mọi cảnh ngộ.

Khất sĩ Duyên giác là bậc đi du lịch Ta-bà để thật hành pháp giải thoát, hưởng quả an lạc Niết-bàn, là bậc thanh tịnh nhập định chường thần thông. Khất sĩ Duyên giác là kẻ khổ hạnh, thấp thỏi thiếu kém, rách rưới bần hàn; là bậc đi giác ngộ, cảm hóa, kết duyên cùng chúng sanh, để sau này hóa độ.

Khất sĩ Duyên giác không hay nói pháp dạy người, nhưng những ai coi theo gương cũng đủ tu hành đắc đạo. Duyên giác là thầy của Thịnh văn, là sự khổ hạnh phá mê dung dưỡng. Người ta hằng ví bậc khất sĩ Duyên giác cũng như vị hung thần, mà các kẻ tu hành phá giới bất chánh không nghiêm phải sợ sệt. Chính bậc khất sĩ Duyên giác là một vị phước thần, thỉnh thoảng xuất hiện trong thời kỳ không có chư Như lai hay Bồ-tát, để đem gương Phật nhắc nhở cho hạng Thịnh văn; kẻ nào thấy gặp được cũng bằng như gặp Phật.

Khất sĩ Duyên giác là bậc đối trị với pháp thế gian, vạch đường giải thoát cho muôn loài tránh khổ. Bậc Duyên giác đi xin để đền nghiệp cũ, đi khắp nơi để chịu chúng khảo hành cho mau hết xong nghiệp quả trong kiếp một. Đi xin để cho hay trong thiên hạ rằng mình sẽ lìa cõi thế đến Niết-bàn, để cho mặc ai muốn trả đáp điều chi tự ý, hoặc đòi hỏi hay bố thí cúng dường... Đi xin để vất bỏ tham sân si ái dục. Đi xin để đem thân làm ruộng phước tốt đẹp cho kẻ mong cầu cúng thí dâng gieo giống Phật, diệt lòng ma. Chính sự không nói làm sai quấy là phân chất nước trong tốt đẹp, để cho người xem thấy đó mà nảy phát thiện huệ, chơn tâm, hột giống, đừng đem gieo trồng có chỗ tưới vun.

Khất sĩ Duyên giác lượm vãi rách mà khâu lại thành áo, để khuyên người dư dả bớt se sua chun dọn, và an ủi kẻ thiếu rách nghèo nàn, làm gương tiết kiệm cho chúng sanh. Thật vậy, dễ ai mà kiếm được cái nghèo

như người khát sĩ: Nghèo không một đồng xu, áo không có túi, ai cho bạc vụn cũng không màng. Nghèo không một hột gạo, ai cho kho vừa cũng chẳng ham. Mặc áo lượt vải bỏ, ai cho đồ tổ sa không chịu nhận. Nghèo mà chẳng ham ăn dư để cất dành đêm, ai cơm dư thí bỏ xin ăn, chớ chẳng hề ăn lương ngon cá thịt. Ăn trộn lộn xộn, không phân mùi vị, để lặt đồ miếng mùi ngon. Ăn ngày một bữa, dầu vua thỉnh ăn thêm cũng từ chối. Chính khát sĩ là kẻ thật giải thoát, vì có đi xin ăn mới đáng tránh cái giả dối tội lỗi, sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, khoe khoang, dâm thục, rửa chửi, uống rượu, say sưa... Vất bỏ ngôi vua, nơi ghế cao giường rộng chiếu lớn, chỗ xinh đẹp; chẳng màng vị quan, nơi nghe xem hát múa đờn kèn, chỗ vui đông yến tiệc; không ham giàu có, nơi phấn son dầu hoa áo quần trang điểm; chường trí huệ ngày ăn một bữa, nuôi tánh chơn chẳng rở đến bạc vàng; vì vậy mới đi xin.”

...

Trong hơn 70 năm qua, Đạo Khất Sĩ có ai là bậc khát sĩ Duyên giác? Với câu hỏi này ta không nói được ai là bậc Duyên giác hay không, nhưng 70 năm qua nhiều vị khát sĩ chuyên tu đã có thành tựu như:

– Trưởng lão Giác Nhơn lên núi Dài ở Thất Sơn ẩn tu trong hang cộp mấy năm sau khi Tổ vắng bóng. Đến năm 1960 ngài về Tịnh xá Ngọc Thọ ở núi Đất (*gần núi Két và núi Năm Giếng*) tu, thỉnh thoảng con cộp đó còn đến thăm ngài. Trong số các trưởng lão của Khất Sĩ, ngài Giác Nhơn là người đầu tiên được biết là có thần thông. Năm 1986 ngài mãn duyên tại Tịnh xá Ngọc Ân – Tầm Vu.

– Trưởng lão Giác Thần tách chúng đi hành Tứ y pháp sau khi Tổ vắng bóng. Đương thời có nhiều sư theo lời dạy của Tổ đã cố gắng đi hành Tứ y pháp nhưng hầu hết đều bị rơi rớt, chỉ có trưởng lão Giác Thần hành Tứ y pháp tinh tấn nhất. Đến khi ngài mất năm 1973, giáo đoàn đưa về chùa Phật Lớn ở Rạch Giá thiêu. Lúc hỏa thiêu nhục thân ngài trên đài hỏa táng phóng hào quang.

– Sư cụ Giác Ty tục danh là Hồ Tiền, vốn là một võ sư xuất chúng ở Bình Định. Năm 1967 sư theo trưởng lão Giác Tánh xuất gia ở Tịnh xá Ngọc Nhơn – Quy Nhơn. Vài tháng sau sư bỏ đoàn đi hành Tứ y pháp mười mấy năm. Đầu năm 1984 sư cụ Giác Ty đến Tánh Linh – Bình Thuận. Hai tháng sau sư cụ lên núi Ông ở Tánh Linh tu và cuối năm đó ngài ngồi thiền xả báo thân. Hai tháng sau đệ tử sư phát hiện ra thì chỉ còn toàn xương chất cao ba tấc trên bồ đoàn và một chút da mặt dính nơi đầu rơi dưới đất, nhưng không có chút mùi hôi nào trong các y áo bao trùm đồng xương.

– Ni sư Cung Liên là đệ tử Tổ sư, xuất gia vào đầu năm 1954, dù đã xin Tổ cho xuất gia từ hai năm trước. Năm 1961 Ni sư Cung Liên dẫn theo hai con gái về Phú Mỹ hành đạo, ở Tịnh xá Mộc Chơn “gốc cây Đạo của Tổ” trên một năm. Vì chiến tranh ác liệt quá nên Ni sư phải đi, về Tầm Vu ở Tịnh xá Ngọc Ân. Năm 1964, sau khi đã xây dựng Tịnh xá Ngọc Ân mới ở gần chỗ cũ xong, Ni sư đã cúng dường tịnh xá cho đoàn Pháp sư Giác Nhiên rồi lên Tây Ninh hành đạo. Tại Tây Ninh Ni sư đã thành lập Tịnh xá Ngọc Ninh vào năm 1968 và

ở nơi đó tịnh tu hơn 20 năm cho đến ngày viên tịch. Sinh thời Ni sư Cung Liên tu hành thiền định tinh tấn, có nội chứng nên thần sắc tươi tỉnh điềm đạm. Năm 1990, Ni sư đã mấy lần dẫn dò đệ tử về hậu sự của mình dù không đau bệnh gì cả. Trước ngày xả báo thân, Ni sư đi thăm hết các tịnh xá quen và mời mấy Ni sư bạn nhớ đến Ngọc Ninh chơi vào ngày rằm tháng 8. Đến tối ngày 14, Ni sư đã ngồi ngay ngắn trên ghế thiền thần viên tịch, sau khi vừa tiếp chuyện với mấy Phật tử. Trà-tỳ nhục thân Ni sư Cung Liên còn một chiếc răng nanh không cháy.

– Trưởng lão Giác Lập là một vị đệ tử Tổ sư nhưng ngài không chịu thọ giới Tỳ-kheo, chỉ lo chuyên tu. Vả lại ngài cũng ngại, vì hồi đó ai thọ Tỳ-kheo rồi đều được giáo đoàn cắt đi trụ trì tịnh xá, phải thuyết pháp trong bốn ngày cúng hội và lo nhiều việc. Từ năm 1969 ngài về Tịnh xá Ngọc Hương ở núi Nhỏ – Vũng Tàu chuyên tu thiền định và thọ trì *Kinh Kim Cương* gần ba chục năm. Đến cuối tháng 12 năm 1996 ngài viết Lời dặn cuối cùng cho biết ngài sẽ về quê xưa cảnh cũ. Qua giữa tháng 1 năm 1997 ngài viên tịch, sau khi trà-tỳ được xá-lợi rất nhiều.

– Đức Thượng tọa Giác Chánh là người được Tổ sư Minh Đăng Quang tấn phong và chỉ định thay Tổ dẫn Tăng đoàn trong lần Tự tứ năm 1953. Từ đó ngài thường dẫn một Tăng đoàn đi hành đạo các nơi suốt hơn 25 năm. Mỗi ngày, ngoài giờ đi bát và thọ trai thuyết pháp, ngài thường vào cốc tu. Về sau thời duyên không cho phép Tăng đoàn đi nữa, ngài không nằm suốt 5 năm để chuyên tu thiền định, từ 1987 đến 1992. Cả đời ngài sống thiểu dục tri túc y theo Giới bốn không ai bằng. Năm 2004 ngài viên tịch ở Vĩnh Long, giáo đoàn đem về Vũng Liêm trà-tỳ. Khi thiêu nhục thân ngài trên đài hỏa táng phóng hào quang, thiêu xong được xá-lợi như ngọc sáng.

– Trưởng lão Giác Tịnh từ năm 1948 đã theo Tổ sư xuất gia, lúc 19 tuổi. Đến năm 1954 ngài đã xông pha ra miền Trung mở Đạo Khất Sĩ, trong vòng 15 năm đã lập được một giáo đoàn Khất Sĩ vững mạnh. Lo cho đạo pháp tạm xong, ngài đã giao giáo đoàn lại cho sư huynh và các đệ tử quản lý rồi đi vào chuyên tu. Gần 30 năm cuối đời ngài chuyên tu thiền định ở Tịnh xá Ngọc Nhơn – Quy Nhơn. Năm 2008 ngài viên tịch, sau khi trà-tỳ được xá-lợi rất nhiều.

– Hòa thượng Giác Linh trước Giải phóng nỗ lực tu thiền định ở am Nhân Nhượng gần Lăng Mạc Cừ tại Hà Tiên. Sau Giải phóng ngài lên núi Tiểu Tô Châu cất cốc lá tiếp tục tu thiền định. Được một thời gian ngài nói với cô Phật tử chủ đất: “Hồi đó sư cứ rán tu ngày tu đêm cực muốn chết. Bây giờ sư biết rồi, chỉ giữ tâm an lạc thôi!”. Nói vậy chứng tỏ ngài đã phá được cửa ải khó khăn nhất của người tu thiền định, đã nhận ra tâm nên tự chủ được. Từ đó ngài thường trụ ở Tịnh xá Ngọc Châu – Châu Đốc, tùy duyên làm Phật sự. Thỉnh thoảng ngài lộ cho vài người có duyên biết là ngài đọc được tâm niệm của họ. Trước khi xả báo thân mấy ngày ngài có nói với người cháu gái: “16 sư đi cho quà, 17 sư về tịnh xá, 18 sư sẽ bỏ xác!”. Ngày 18 tháng 10 âm lịch năm 2011 hòa thượng Giác Linh viên tịch, sau khi trà-tỳ được nhiều xá-lợi.

– Hòa thượng Giác Cẩm lúc trẻ theo Giáo đoàn II hành đạo ở nhiều nơi, có duyên lập ra Tịnh xá Ngọc Giáng ở Đà Nẵng. Sau 1975 ngài thường trụ ở Tịnh xá Ngọc Hương trong Thành Nội – Huế cho tới ngày viên tịch vào năm

2015. Tuy ở một chỗ mấy chục năm mà ngài biết rất nhiều việc trong Hệ phái Khất Sĩ. Có lần hòa thượng nói về sư Giác Phi, người hành Tứ y pháp đã 50 năm: “Sư Phi ở một chỗ không yên. Phải có Bát-nhã Ba-la-mật mới ở yên một chỗ được.”. Rồi ngài cũng cho biết: “Hồi Pháp sư Giác Nhiên bệnh nặng ở bên Mỹ, chúng tôi cầu nguyện cho Pháp sư được khỏe lại.”. Đó là năng lực gia trì của các bậc trưởng lão, tuy không đi đâu mà vẫn có thể làm cho thành tựu.

Các vị khất sĩ tiền bối ấy đều có thành tựu, còn nhiều vị chuyên tu khác (*đã mất*) mà chưa có thành tựu nổi bật thì không kể.

IV. KHẤT SĨ BỒ-TÁT:

1. Khất sĩ Bồ-tát – Phần thuyết minh trong Chơn lý *Khất Sĩ*:

“Khất sĩ Bồ-tát là những bậc thầy giáo ngồi trên, chẳng bao giờ thiếu hụt, cũng ví như vua trời, vua người; là bậc Tổ sư giáo chủ, vì muốn răn lòng cao trọng, vì muốn chứa đức thêm nhiều, vì muốn khuyên lon hàng vương giả, vì muốn phục lòng thiên hạ, vì theo sự giải thoát trung đạo, vừa làm gương Tăng chúng, vừa để đi đứng khắp nơi công bình, vừa tìm duyên hóa độ, vừa để làm quen dần dĩ đến gần cho kẻ thấp thời nhỏ nhoi... vậy nên phải đi xin. Chính sự đi xin của chư Bồ-tát hay Phật là điều khó nhất, trong thế gian ít ai làm được. Bởi Phật là bậc toàn năng, không chỉ không làm được, có khác hơn bậc hoàng đế, bá, hầu, vì thể diện danh dự, giá trị lợi lộc, chấp mình, mà phải thụt lùi từng bước, phải mãi ôm chấp cái ta, nặng nề té sa hố thấp trũng sâu, chịu chết thất bại, mà chẳng dám dõm xa bước tới nẻo lành. Chúng sanh mà thua Phật là bởi có việc làm được còn có việc không làm được. Mà những việc làm không được ấy lại là việc phải đáng làm, còn làm được là được việc tội lỗi hư vọng...”

Phần thuyết minh về khất sĩ Bồ-tát của Sư trưởng Minh Đăng Quang chỉ có những ý đó. Vậy khất sĩ Bồ-tát là bậc Tổ sư giáo chủ, thật là bậc thầy của chư Tăng phàm Thánh. Ngoài bậc Tổ sư giáo chủ ra thì chưa ai được ghi nhận là khất sĩ Bồ-tát.

Đến cuối bài, Chơn lý *Khất Sĩ* đã thuyết minh thêm về Đạo Khất Sĩ để người đọc không vì danh từ mới mà khó tiếp nhận:

“Đạo Khất Sĩ không phải là mới, nói cho đúng: Ai ai cũng là khất sĩ cả thầy, vì ai mà không có gặp được sự học mỗi ngày, ai mà không có sự xin nhau từ chút! Nhưng lắm kẻ mánh đưa chen giành lẫn mà quên đạo lý của mình, nên học phải cái viển vông, và xin bằng lễ quấy ác hung bạo, quên ân bỏ nghĩa, mà chẳng hay dè. Thật vậy, nếu chúng ta đã được biết rằng: Thiện quý hơn ác và giải thoát là đạo chung, thì khất sĩ là lẽ sống của mỗi người hằng ngày, cái sống chánh chơn tốt đẹp vô cùng linh diệu.”

...“Đạo Khất Sĩ là chơn lý chánh pháp của trường võ trụ, là đạo Bát chánh Niết-bàn, không bậc hiền Thánh nào dám khinh rẻ, không kẻ

quỷ ma nào được thấu đạt, chánh giáo cao siêu hơn hết. Kẻ hành đúng sẽ thành Phật, người hành trật sẽ làm ma, thật là quý nhất trong đời. Tuy lý sự hiển nhiên như mọi bữa mà ít ai lưu tâm trụ ý nghĩ soi nhìn, cùng dám hy sinh hành đạo. Vậy nên nay bằng sớm mà ta hiểu được, đến chiều có thác dạ cũng vui mừng. Dầu người tuổi đã hơn trăm, may mặc được áo Khất sĩ giải thoát trong một thời cũng là duyên may mắn cho bước chân ngàn đời nay đã định. Áo Giải thoát mà vua quan trời thần không thể có, mặc nó vào nhẹ tựa lông hồng, trôi bay khắp vũ trụ non sông, ai mà lại chẳng mong cầu ước muốn!”

2. Những gay cán về Đại thừa – Tiểu thừa:

Suốt hơn hai ngàn năm, Phật giáo thế giới đã có những gay cán về tư tưởng giữa các phái. Ngay khi ngài Minh Đăng Quang ra lập đạo ở Việt Nam cũng không tránh khỏi bị phê phán, do đó ngài phải lên tiếng giải thích. Nói về Đại thừa và Tiểu thừa, sách *Chơn Lý* có các bài *Đại Thừa Giáo*, *Tông Giáo*.

“Tông giáo” chính là từ “tôn giáo” ngày nay hay dùng. Đọc bài *Tông Giáo*, ta hiểu rằng đạo là chánh pháp, tôn giáo là tượng pháp. Hễ tôn giáo thịnh thì đạo suy, hễ xao lãng tôn giáo thì đạo mới thịnh được. Nếu cần số lượng cơ sở, cần tín đồ đông, bày vẽ hình thức màu mè, biểu dương lực lượng và năng động hành chánh, thì đó là tôn giáo chứ không phải đạo. Còn Bồ-tát và Thánh văn vốn là một đạo mà ở hai trình độ, do đó không thể chia rẽ như là hai tôn giáo khác nhau. Bài *Tông Giáo* đã viết:

“Không có tam thừa gì bề ngoài cả, tam thừa là tâm trí của mỗi người, từ nhỏ tới lớn, từ hẹp tới rộng, chớ không phải mới sanh ra cũng Đại thừa, hay tu thành Phật, già lão rồi, mà cũng còn gọi là Tiểu thừa mãi.”

...“Dầu trình độ mình đã đến Đại thừa là để cho người ta tự nhận biết, chớ đừng nói ra, mà phải nên khiêm nhượng. Còn trình độ mình có Tiểu thừa là để cho người kia tự hiểu, chớ đừng dòm ngó nhau là tốt lắm. Vả chẳng sự tự cao là dốt, hạ mình là hay, vậy người thật tu học cũng nên gọi mình là Vô thừa, nghĩa là không có thừa gì của tự mình nói ra mới phải, và chỉ có một sự tu là quý hơn cái học, quý hơn cái nói cãi cao kỳ vậy.”

Còn trong bài *Đại Thừa Giáo* ngài Sư trưởng Minh Đăng Quang đã viết mấy đoạn này:

“Đại thừa giáo tức là đạo Phật cải cách theo đời chúng sanh, là giáo lý nhơn thiên trong thời mạt pháp của đạo Niết-bàn. Không phải Đại thừa giáo làm cho mạt pháp Niết-bàn, mà là đến lúc đạo Niết-bàn mạt pháp, căn cơ chúng sanh siên bạc, nên nhơn duyên bắt buộc pháp giáo phải cách mạng đạo Phật, mà thành ra đạo trời người để tế độ chúng sanh thấp kém. Ấy vì hoàn cảnh mà giáo pháp phải hạ thấp xuống mới có được học trò kia vậy.”

...“Vì vậy mà lòng từ bi của Đại thừa giáo càng rộng là đạo Phật Thích-ca sẽ không còn hình bóng. Càng tranh cạnh tín đồ bốn đạo, tông giáo càng đông là đạo Phật không còn cái tiếng “đạo”. Và lần lần xã hội, gia đình, tông giáo, đảng phái khác vì quyền lợi mà hằn học phản đối, chán ghét ố nghịch, hiểu lầm tiếng “đạo Phật”. Cũng bởi thế mà ở tại xứ Tàu, Thiền lâm và Đại thừa giáo là hai chớ không phải một. Thiền lâm là kẻ tu thiền định trong rừng, bậc chỉ sống bằng định huệ y theo chơn lý, qua khỏi giới luật, tánh căn thuần thực cao viễn lắm! Còn phái Đại thừa giáo là có học không tu, tưởng làm mình đặc, xưng Tổ khoe thầy, tưởng mình là Phật, khác hẳn với đức Ca-diếp, Đạt-ma mà chẳng hay, lại làm mình là hơn Phật Thích-ca xưa nữa.”

Quả thật người hiểu chuyện đều phải thừa nhận Phật giáo Đại thừa ngày nay chú trọng áp dụng Nhân thừa và Thiên thừa trong năm thừa Phật pháp. Các Pháp hội, Lễ hội, Khóa tu, Phật thất, Khóa bồi dưỡng, Tu Bát quan trai, Một ngày niệm Phật, Một ngày an lạc, Phóng sanh, Từ thiện, Cứu trợ, Nhà tình thương, Lớp học tình thương, Đạo tràng Đại bi, Đạo tràng Pháp hoa... được tổ chức sinh động và phong phú ở các chùa thuộc Phật giáo Bắc truyền Việt Nam. Nhìn chung nội dung tu học trong các hình thức đó đều là cầu phước báo hữu lậu nhân thiên, nên đều quy về Nhân thừa và Thiên thừa Phật pháp. Ví dụ khi dự Đạo tràng Pháp hoa thì người ta làm gì? – Họ cố gắng tụng cho hết bộ *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* trong một ngày. Do gắng tụng niệm như một cách luyện giọng, đời sau chắc các vị ấy sẽ thành ca sĩ hết! Họ thật sự chẳng cần biết “Diệu pháp” gì, đều tin rằng tụng *Kinh Pháp Hoa* tốt lắm, đến mức có giảng sư đã bảo: Tụng *Kinh Pháp Hoa* chùa không bao giờ thiếu gạo ăn! Mà như thế thì người tụng *Kinh Pháp Hoa* sẽ trở thành sâu gạo chẳng?

Tam thừa Thịnh văn – Duyên giác – Bồ-tát là tâm trí của mỗi người chứ không phải là giáo phái, và tam thừa là Đạo Niết-bàn chứ chẳng phải Nhân thừa, Thiên thừa của phước thiện hữu vi. Chánh kiến của ngài Sư trưởng Minh Đăng Quang chính là ánh minh quang soi sáng đời đạo hôm nay, nhưng e rằng lời này trái tai (*trung ngôn nghịch nhĩ*), tiếc thay!

3. Tìm hiểu về Bồ-tát đạo trong Đạo Phật Khất Sĩ:

Thôi không nói chuyện ngoài, trở lại nói về chuyện mình. Đó là trong Đạo Phật Khất Sĩ đã triển khai Bồ-tát đạo như thế nào? Tìm hiểu điều này ta nhận thấy:

- Giáo pháp Khất sĩ đã thuyết minh: Hai đạo Lợi mình và Lợi người đều trong này có kia, tuy xuất phát điểm khác nhau nhưng khi vận dụng thì phải hài hòa, vì mục đích chỉ có một là độ hết chúng sanh tâm, vì đều đồng là đạo Phật.

- Các Bồ-tát chưa đắc lục thông được gọi là Bồ-tát phàm, dù tài cao phước lớn mà đức còn thấp hơn bậc A-la-hán, thì đâu thể chê bai A-la-hán là Tiểu thừa gì nữa, phải khiêm tốn.

- Bậc được ghi nhận là khất sĩ Bồ-tát phải là bậc Tổ sư giáo chủ.

– Lập Đoàn du Tăng Khất sĩ để du phương hành đạo, vừa tu học lại vừa hoằng pháp khắp nơi. Trong mô hình hoằng pháp vĩ mô đó, “Khất sĩ” đã được định nghĩa: “khất” là “xin”, “sĩ” là “học”, xin vật chất để nuôi thân, xin tinh thần các pháp để nuôi trí, xin đây rồi lại cho, học đây rồi lại dạy...

– Việt Nam đạo Phật không có phân thừa! Có thể tùy nghi vận dụng ba thừa chính là trí huệ và công hạnh của Bồ-tát. Phải học đạo – tu đạo – dạy đạo thì công đức mới đầy đủ.

– Biên tập thành công Giới Phật tử gồm 10 giới trọng 48 giới khinh, tuy vẫn tham khảo đọc tụng mỗi tháng nhưng không tổ chức truyền giới ấy như một giới phẩm. Mà đúng trong Tăng đoàn từ xưa chỉ có hai bậc là sa-di và tỳ-kheo, hay tập sự và khất sĩ. Giáo pháp Khất sĩ đã xác định “Bồ-tát” là một công hạnh và là một trình độ tâm trí, chứ không phải là một giới phẩm, tức là khi làm Tăng thì hàng Bồ-tát vẫn mang thân phận tỳ-kheo trong Tăng đoàn mà thôi.

– Biên tập thành công bộ Giới bốn, trong khi bảy bộ Giới bốn hiện còn của Phật giáo thế giới đều đã được biên tập từ hơn 2300 năm trước, cổ quá.

– Tổ chức mở: Có giáo hội chánh và các giáo hội nhánh...

– Quy định tất cả các sư phải đi hành đạo, luân phiên đổi chỗ, là áp dụng pháp tinh tấn của Lục độ cho tất cả chư Tăng.

– Quyết đoán bỏ hẳn chúng Thức-xoa-ma-na, nhưng Bát kính pháp của Ni giới vẫn nghiêm túc. Chính thời Phật tuy đã có chúng Thức-xoa mà lại không có giới pháp Thức-xoa.

– Không cần học các cổ ngữ của các nền Phật giáo xưa như tiếng Pāli, Hán ngữ... vì chơn lý do tâm chứng nghiệm không can hệ gì chữ nghĩa.

– Trong tịnh xá ban đầu không có thờ cốt tượng.

– Trong giáo hội chỉ có một chức khất sĩ.

– Có giáo lý Năm lớp nhập định, từ Sơ thiền đi lên Niết-bàn, chuẩn không gì hơn.

– Xác định danh từ “Tứ diệu đề” chứ không phải “Tứ diệu đế”, một sự cách mạng tinh tế. Tức là đã nói thẳng: Khổ, Tập, Diệt, Đạo chỉ là bốn đề mục, chẳng phải là bốn sự thật của bậc Thánh.

– Phật A-di-đà chính là Phật Thích-ca, và cõi Tăng-già là cõi Tây phương. (*Vậy nói tôn giả Mục-kiền-liên bay không đến được cõi Tây phương là sai.*)

– Di-lặc còn chưa ra đời thì làm gì có Phật Di-lặc nào.

– Triển khai những giáo lý căn bản như Năm uẩn, Sáu căn, 12 nhân duyên... ở mức độ cực đại. Ngay Nhân quả cũng được nhìn qua tầm mức Công lý vũ trụ.

– Tịnh xá được lập nơi vườn rừng, không ở chợ xóm, không ở núi non, theo nghĩa trung đạo.

– Tịnh xá được kiến lập thành cảnh thiền định đáng trụ.

Và còn nhiều điều nữa...

Nếu như mọi người đã quen hình dung Bồ-tát đạo là một nền đạo Phật cởi mở, năng động và đúng đạo lý hơn, thì Đạo Khất Sĩ của Tổ sư Minh Đăng Quang chính là một nền Bồ-tát đạo tuyệt vời rồi, theo như những điều liệt kê trên! Thật hân hạnh cho Phật giáo Việt Nam đã sáng lập được một nền Bồ-tát đạo như thế!

4. Quan điểm vận dụng ba thừa Phật pháp của Giáo pháp Khất sĩ:

Hễ sáu căn trong sạch – lục căn thanh tịnh – đắc sáu thần thông thì thành Thánh, nhưng phân ra A-la-hán Thánh, Duyên giác Thánh và Bồ-tát Thánh tức là có sự cao thấp bên trong, theo chỗ hiểu thông thường của mọi người. Bây giờ, ba bậc ấy giác ngộ sai khác thế nào kẻ phàm không sao lường được, thì miễn bàn về cá nhân các ngài. **Bài Chơn lý Khất Sĩ chỉ thuyết minh về công hạnh ba thừa chứ không nói cụ thể quả chứng của ba thừa.** Khi đã nhắm đến Phật quả là thành tựu tối hậu thì nói chung các Thánh quả đều ở mức lục căn thanh tịnh là đúng rồi, nên chỉ bàn đến công hạnh.

Nhưng tám gương tam thừa – ba hạng đó khiến nhiều người băn khoăn: Cùng một Phật sự phải giải quyết thế nào cho đúng, vì sẽ có người làm theo kiểu Thinh văn, có người ưa làm theo kiểu Duyên giác, có người lại làm theo kiểu Bồ-tát? – À, nói chung ai cũng đúng, ai cũng được hết, xuê xoa đại khái. Ví dụ cất tịnh xá, thọ nhận chúng, đi cúng trai Tăng, tạo cảnh đạo trường, thọ trai, đi bát, tiếp cư sĩ, tu thiền định, giảng pháp, yết-ma, sám hối, họp Tăng v.v... là các Phật sự đi; thì ba thừa bây giờ là ba tác phong, ba kiểu, ba lập trường, ba hành động... mà không có cái nào tệ. Tuy ba kiểu đều được nhưng cái nào thích hợp nhất sẽ được mọi người vận dụng. Việc này hiển nhiên, không phải do ông Phật nào áp đặt.

Quả thật mấy việc vô thường bên ngoài chẳng phải là Thinh văn, Duyên giác, Bồ-tát gì. Sở dĩ chỉ thuyết minh về công hạnh ba thừa vì ba thừa đó là sinh hoạt khả thi của Phật pháp ở nhân gian. Nếu ngoài ba thừa thì còn cách sinh hoạt Phật pháp nào hơn? Ba thừa đó là học đạo – tu đạo – dạy đạo, và đạo ở đây là thật cảnh Giới – Định – Huệ. Con đường tất yếu là vậy, mà bỏ Giới – Định – Huệ thì ắt không ai theo Phật nổi. Cần phải làm Tăng để được làm Phật.

Ba thừa hay ba trình độ giác ngộ như đã nói là có cao có thấp, nhưng không phải hễ cao là đúng mà hễ thấp là sai ở đây. Vấn đề ở đây là tùy duyên vận dụng cho phù hợp, thì nhìn nhận là “**pháp như vậy**”, không cho là cao thấp gì. Ba thừa bình đẳng (bằng bậc) là Phật sự chẳng phải là hay quá sao! (Ba thừa vốn không bình đẳng, nhưng trong tư thế thay Phật thi hành Phật sự, tùy duyên vận dụng Đạo Niết-bàn cho thích hợp ở nhân gian, thì ba thừa lại bình đẳng, hay ở chỗ đó! Cũng như mình là Thinh văn thì vẫn biết vậy để lo tu học thêm, nhưng lại xem mình đang góp phần làm cho Phật pháp được hiển thị trong đời, đang thay Phật làm gương cho người đời, nên càng tự nhiên.)

Hồi ở Thốt-nốt có mấy người ngoại đạo xách súng đến hỏi Sư trưởng Minh Đăng Quang rằng: “Con gì buổi sáng đi bốn chân, buổi trưa đi hai chân, tới chiều đi ba chân? Nếu ông không đáp được là bọn tui lấy cò!”. Ngài bình thân đáp: “Tôi là người tu, tôi nói theo Phật pháp độ đời chứ không nói theo người thế. Con đó là con người giác ngộ, buổi đầu tu hạnh Thỉnh văn là tu Tứ diệu đế giống như đi bốn chân. Tới trưa, người này là bậc Duyên giác tu theo pháp tương đối vô thường – hữu thường, sanh – diệt... là đi hai chân. Đến chiều, người này là bậc Bồ-tát hành đạo vừa thượng – trung – hạ, vừa bên này – bên kia – chính giữa... ba thừa đi hết là ba giờ!”. Câu hỏi cổ xưa này của người Hy-lạp đã được Sư trưởng Minh Đăng Quang giải đáp thật sáng tạo, qua đó ta thấy được quan điểm vận dụng ba thừa Phật pháp của ngài.

Tìm hiểu đến đây ta vỡ lẽ ra rằng: **Giáo pháp Khất sĩ đã thuyết minh ba thừa Thỉnh văn, Duyên giác, Bồ-tát nhưng để vận dụng trên tầm mức Phật thừa.** Mà đúng chơn lý thì ba thừa đều là thịt cơm chứ chưa phải là hột của trái Đạo – Đạo quả, và là ba xe dê, xe nai, xe trâu *Kinh Pháp Hoa* đã nói trong ví dụ Nhà lửa:

Ngoài vườn lửa ào ào cháy dậy
Bầy trẻ thơ chơi nhảy trong nhà
Khuyên răn chúng chẳng chịu ra
Mở lời phương tiện: Thiệt ba xe ngoài!
Đại biện tài trừ hai còn một
Tột bậc rồi thì một cũng không
Xưa nay sự lý viên dung
Cứ trong thế dụng Thích trung thì nhầm.

Chỉ có Phật thừa là thật, mà tìm khắp vũ trụ không có một thừa thứ hai. Cái thật đó vô tướng, vô tác, vô tu, vô chứng, làm sao chúng sanh lường được, nên cần có ba thừa để tiếp dẫn, mà cốt lõi không phải vậy. Bởi **không chấp ba thừa** nên chi Sư trưởng Minh Đăng Quang đã chủ trương Việt Nam đạo Phật không có phân thừa, còn nói rõ: “Người thật tu học cũng nên gọi mình là Vô thừa.”, khi viết ra thì tất cả pháp đều nhắm thẳng đến Chơn lý, và ngài cũng dặn đệ tử nên bỏ quyển *Bồ-tát Giáo* ngài đã viết lúc trước!

Ba thừa vẫn là ba thừa, và đem ba thừa quy chiếu Thích-ca Chánh pháp thì ba thừa là những ảnh hiện của Phật thừa, diệu ở chỗ đó! Sư trưởng Minh Đăng Quang đã vận dụng ba thừa Phật pháp như thế, phải không?

V. VÀI LỜI CUỐI:

Thà làm một sư Thỉnh văn vô danh trong nhà Phật, không ham làm một danh Tăng lẫy lừng trong đời. Thà ở yên lo tu như bậc Duyên giác, chẳng ưa lay hoay tạo nghiệp tôn giáo ở nhân gian. Phải chơn tu thật học mới quý, nếu có duyên thì giáo hóa chúng sanh xuề xòa đại khái, chẳng lấy đó kể công.

Đã xác định Thỉnh văn, Duyên giác hay Bồ-tát đều không cao không thấp, thì có gì phải bận lòng? Ba thừa Phật pháp đồng là cách sinh hoạt khả thi

của Đạo Niết-bàn ở nhân gian, đồng là thuốc lành tùy nghi sử dụng miễn sao được sáu căn thanh tịnh là hết bệnh, đồng là đồ chơi ba xe đẹp Phật để dành cho các con ham chơi... mà chỉ có Phật thừa là thật, và tạm gọi như vậy. Không ai còn chấp mắc Thịnh văn hay là Bồ-tát gì nữa mới đúng ý Phật.

Chính mình đã xong việc chưa phải tự biết, vì chưa làm thầy được cho chính mình thì nói chi làm thầy ai. Sẽ thật hay nếu trên đời này ai cũng an phận làm khất sĩ lo xin ăn tu học hết!
